

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **148/2022/DS – ST**

Ngày: 31/05/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Thủy

Ông Phạm Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 05 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**

Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 A, phường A1, Quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: 35 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số: 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 và Giấy ủy quyền số 86/GUQ-CNNVT ngày 12/11/2021) (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Hà Ái V**, sinh năm: 1994 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: 521/99H C, Phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng S) cho bà Nguyễn Hà Ái V vay tiền theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1919600649 ngày 15/7/2019:

Số tiền vay là 70.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để tiêu dùng. Trả lãi và vốn góp đều hàng tháng, lãi suất 10,5%/năm, lãi tính theo dư nợ ban đầu.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Nguyễn Hà Ái V đã không thực hiện đúng thời hạn thanh toán dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng S đã nhiều lần nhắc nợ nhưng đến nay bà V vẫn chưa giải quyết khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng S.

Tạm tính đến ngày 08/04/2022, bà Nguyễn Hà Ái V còn nợ Ngân hàng S tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số: LD1919600649 ngày 15/7/2019 như sau:

Nợ gốc:	50.560.000 đồng
Lãi trong hạn:	13.475.000 đồng
Lãi quá hạn:	6.314.787 đồng
Lãi chậm trả lãi:	1.263.258 đồng
Tổng cộng:	71.613.045 đồng

2. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/07/2019 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Hạn mức sử dụng thẻ là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

Sau khi được cấp thẻ bà Vân đã thực hiện rút hết số tiền là 30.000.000 đồng để mua bảo hiểm.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà V không trả đủ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo các điều khoản đã cam kết tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng mặc dù ngân hàng đã thông báo nhiều lần. Dư nợ tính đến ngày 08/04/2022 là:

- Nợ gốc: 32.426.874 đồng
- Tiền lãi: 26.304.720 đồng
- Tổng cộng là: 58.731.594 đồng.

Xét thấy bà Nguyễn Hà Ái V không có khả năng thanh toán, Ngân hàng S yêu cầu bà Nguyễn Hà Ái V:

- Phải trả toàn bộ, một lần khoản nợ vốn, tiền lãi của Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1919600649 ngày 15/7/2019 tính đến ngày 08/04/2022 là: 71.613.045 đồng. Các khoản tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 09/04/2022 cho đến ngày Ngân hàng S nhận được toàn bộ nợ gốc và lãi.

- Phải trả toàn bộ, một lần khoản nợ vốn, tiền lãi của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/07/2019 tạm tính đến ngày 08/04/2022 là: 58.731.594 đồng. Các khoản tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 09/04/2022 cho đến ngày trả hết nợ theo qui định của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/07/2019.

* Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho bà Nguyễn Hà Ái V các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Nguyễn Hà Ái V không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của bà V. Ngày 08/04/2022, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là bà Nguyễn Hà Ái V vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận C2 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vốn, tiền lãi tính đến ngày 31/05/2022 của Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1919600649 ngày 15/7/2019 số tiền là: 74.097.341 đồng và của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/07/2019 số tiền là: 60.965.809 đồng. Các khoản tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 01/06/2022 theo quy định tại các Hợp đồng cho vay là có cơ sở đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo xác minh ngày 17/02/2022 của Công an Phường C1, Quận C2 và Sổ hộ khẩu ngày 22/10/2010 đã có cơ sở xác định bà Nguyễn Hà Ái V có thường trú tại nhà số 521/99H C, Phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay không còn cư trú và đi đâu không rõ. Như vậy thời điểm Ngân hàng S nộp đơn khởi kiện bà V vào ngày 12/11/2021 do không biết nơi cư trú của bà V nên ghi địa chỉ của người bị kiện là nơi cư trú cuối cùng tại nhà số 521/99H C, Phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh (cũng là địa chỉ bà Vân ghi trong các hợp đồng vay tiền) là đúng quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại Quận C2 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận C2 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

Ngân hàng S cho bà Nguyễn Hà Ái V vay tiền theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1919600649 ngày 15/7/2019. Số tiền vay là 70.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để tiêu dùng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Hà Ái V đã không thực hiện đúng thời hạn thanh toán dẫn đến phát sinh nợ quá hạn.

Tiền lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng như sau: Trả lãi và vốn góp đều hàng tháng, lãi suất 10,5%/năm, lãi tính theo dư nợ ban đầu. Trường hợp chậm trả nợ gốc, Bên vay đồng ý trả mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà Bên vay không trả đúng hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp chậm trả lãi, Bên vay đồng ý chịu mức lãi suất trên số dư lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Mức lãi theo thỏa thuận của các bên nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Ngân hàng S đã tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ thể hiện tại bảng tính tiền nợ gốc và tiền lãi ngày 31/05/2022 do Ngân

hàng S nộp cụ thể như sau:

Tính đến ngày 31/05/2022, bà Nguyễn Hà Ái V còn nợ Ngân hàng S tiền nợ gốc và lãi là:

Nợ gốc:	50.560.000 đồng
Lãi trong hạn:	14.700.000 đồng
Lãi quá hạn:	7.364.169 đồng
Lãi chậm trả lãi:	1.473.172 đồng.
Tổng cộng:	74.097.341 đồng.

Xét tại Điều a Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; Trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Đồng thời Hợp đồng vay tiền thỏa thuận lãi suất trên số dư lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, do đó việc Ngân hàng S tính thêm tiền lãi phạt chậm trả như trên là có cơ sở.

Ngân hàng S yêu cầu bà Nguyễn Hà Ái V thanh toán ngay số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/05/2022, tổng số tiền là 74.097.341 đồng là có cơ sở chấp nhận. Các khoản tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 01/06/2022 cho đến ngày Ngân hàng S nhận được toàn bộ nợ gốc và lãi.

2. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo (bà V ký ngày 16/07/2019 và Ngân hàng S xác nhận). Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Hạn mức sử dụng thẻ là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S. Sau khi được cấp thẻ bà Vân đã thực hiện rút hết số tiền là 30.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà V không trả đủ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo các điều khoản đã cam kết tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo, đồng thời căn cứ chi tiết giao dịch và thanh toán nợ thẻ hiện tại bản Tóm tắt sao kê ngày 31/05/2022 thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/05/2022 bà Vân còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền là 60.965.809 đồng (gồm nợ gốc là 32.426.874 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 28.538.935 đồng).

Xét thấy, bà V đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng S cấp để thanh toán tiêu dùng cá nhân với số tiền là 30.000.000 đồng nhưng không thanh toán hết số

nợ và các khoản phí, lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, gây thiệt hại cho Ngân hàng nên cần buộc bà Vân có nghĩa vụ phải thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu tổng cộng là 60.965.809 đồng.

Số tiền lãi vay và các tiền phí đã được nguyên đơn tính đúng theo thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ tính đến ngày xét xử và toàn bộ tiền lãi phát sinh tiếp tục tính đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi bà Bà Nguyễn Hà Ái V phải trả cho Ngân hàng S tính đến ngày 31/05/2022 theo hai hợp đồng vay tiền là 135.063.150 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, chứng tỏ bị đơn đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình được qui định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án qui định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Hà Ái V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng S) là 6.753.157 đồng. Trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận C2 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm đ Khoản 4 Điều 189, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1.1. Bà Nguyễn Hà Ái V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 31/05/2022 của Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1919600649 ngày 15/7/2019 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh NVT – Phòng giao dịch HH, số tiền là 74.097.341 đồng (bảy mươi bốn triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm bốn mươi một đồng) (trong đó: nợ gốc là 50.560.000 đồng, lãi trong hạn là 14.700.000 đồng, lãi quá hạn là 7.364.169 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.473.172 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Hà Ái V còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi trên dư nợ vốn, dư nợ lãi tương ứng đến ngày thực trả hết nợ vốn, nợ lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1919600649 ngày 15/7/2019.

1.2. Bà Nguyễn Hà Ái V có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 31/05/2022 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/07/2019 giữa bà Nguyễn Hà Ái V và Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh NVT – Phòng giao dịch HH (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do bà V ký 16/07/2019 được Ngân hàng xác nhận và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo), số tiền là: 60.965.809 đồng (sáu mươi triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ chín đồng) (trong đó: nợ gốc là 32.426.874 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.538.935 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Hà Ái V còn phải tiếp tục chịu tiền lãi cho đến ngày trả hết nợ theo qui định của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/07/2019.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 6.753.157 đồng (sáu triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng) do bà Nguyễn Hà Ái V chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.934.060 đồng (hai triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, không trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0018194 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S, bà Nguyễn Hà Ái V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huyền